

Bản án số: 747/2023/HC-PT
Ngày 29 - 8 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 309/2022/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3872/2023/QĐPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Văn Công H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: 188/B, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Lê Bình P – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn N, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Mai Văn Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2020, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Văn Nguyễn Quỳnh A, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Tuyết N1, Văn Nguyễn Quỳnh A: Ông Văn Công H, sinh năm 1971 (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020).

Cùng nơi cư trú: 188/B, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N2, chức vụ: Chủ tịch (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Nguyễn Thanh S, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc M, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn T: Ông Phan Văn N3, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2021; xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Huỳnh Văn P1; nơi cư trú: 59 khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Văn Công H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và tại phiên tòa ông Văn Công H trình bày:*

Ngày 10/7/2020, Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định số 1630/QĐ- UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ anh Văn Công H. Với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ anh Văn Công H được cấp trái với các quy định pháp luật đất đai (Theo kết luận Thanh tra số 171/KL-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trùm lên phần đất công cộng (mương lộ) do Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý.

Ông H không thống nhất với quyết định này. Bởi các lý do sau:

- Ngày 19/3/2001, ông H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Ngô Kim T, diện tích chuyển nhượng là 180m², thuộc thửa 3408, đất thổ cư, tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn T.

- Đến ngày 20/6/2001, ông H được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên, do hộ anh H đứng tên.

- Năm 2012, ông H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 12/10/2012 cho vợ chồng anh H.

- Đến năm 2014, do thực hiện dồn điền, đổi thửa, đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất nên ông H đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận. Ngày 11/8/2014, ông H được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đổi với diện tích đất nói trên là 181,6m² (tăng 1,6m²), loại đất ở đô thị, do hộ ông H đứng tên. Thửa đất trên do ông H quản lý, sử dụng từ sau khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Ngày 27/7/2020, ông có làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T xem xét thu hồi quyết định số 1630/QĐ-UBND và nhận được Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông H nhưng vẫn chưa xem xét thỏa đáng những vấn đề ông H khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại với nội dung là: Bác đơn khiếu nại đối với anh H, khiếu nại Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ anh H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1704/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện T.

** Theo Văn bản ý kiến số 15/UBND-NC ngày 08/01/2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Vào năm 2001, hộ ông Văn Công H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 3408 (được tách ra từ thửa 1177) tờ bản đồ số 01, diện tích 180m², đất ODT của bà Ngô Kim T và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01536/QSDD/A4 ngày 20/6/2001. Trong hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất có trích lục bản đồ ngày 21/5/2001, thửa đất số 3408 nêu trên có thể hiện nương lộ.

Năm 2012, hộ ông Văn Công H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 12/10/2012 tại thửa đất số 3408, diện tích xây dựng 90m², diện tích sàn 289,8m² mang tên Văn Công H, Nguyễn Thị Tuyết N1.

Năm 2013, hộ anh Văn Công H xin cấp đổi từ bản đồ 299 sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32, diện tích 181,6m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 22/4/2013, nhưng vị trí thửa đất cấp trùm lên nương lộ.

Như vậy, khi cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thì thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32, diện tích 181,6m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị có một phần diện tích là 43,3m² đã cấp trùm lên đất công cộng (nương lộ) do UBND thị trấn T quản lý.

Việc xác lập hồ sơ để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bản đồ 299 sang bản đồ địa chính chính quy đối với thửa đất nêu trên đã cấp trù lên phần đất công cộng (mường lộ của Quốc lộ C) do UBND thị trấn T quản lý là thực hiện trái pháp luật đất đai, vi phạm quy định tại Điều 97 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 91 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 171/KL-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác quản lý, sử dụng đất đối với UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của hộ anh Văn Công H; Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013, quy định: *“Trường hợp cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra có văn bản kết luận Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, nếu kết luận đó là đúng theo quy định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp xem xét, xác định Giấy chứng nhận đã cấp là đúng quy định của pháp luật thì phải thông báo lại cho cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra”*.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020, Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giữ nguyên các Quyết định số 1630, 1633 và 1704.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Theo Văn bản ý kiến số 356/UBND-TCD-NC ngày 25/6/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ngày 22/3/1995, hộ bà Ngô Kim T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1292, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.500m², mục đích sử dụng đất trồng lúa; thửa đất số 1188, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.603m², mục đích sử dụng đất chuyên dùng khác (CDK) và thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.167m², mục đích sử dụng đất ở, tọa lạc thị trấn T, huyện T.

Ngày 19/3/2001, hộ bà Ngô Kim T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3408, tờ bản đồ số 01, diện tích 180m², mục đích sử dụng đất ở, tọa lạc thị trấn T, huyện T (thửa đất số 3408 được tách ra từ thửa đất số 1177) cho hộ anh Văn Công H được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận vào ngày 06/6/2001.

Ngày 20/6/2001, hộ anh Văn Công H được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên theo hợp đồng chuyển nhượng số 807/CN ngày 06/6/2001 đã được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3408, tờ bản đồ số 01, diện tích 180m², mục đích sử dụng đất ở, tọa lạc thị trấn T, huyện T cho hộ anh Văn Công H do nhận chuyển nhượng từ hộ bà Ngô Kim T trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật đất đai năm

1993 và điểm IV.3, Mục IV Phần 1 của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T1 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trên cơ sở hồ sơ đính kèm, Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo Văn bản ý kiến số 81/CV-UBND ngày 07/7/ Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T trình bày:

Theo sổ mục kê tại thửa đất số 460, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.766m² là đất nương lộ, đất công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý. Theo sổ bản đồ 299 được lập năm 1993: tại thửa đất số 460, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.766m² là đất nương lộ, vị trí thửa đất tiếp giáp Quốc lộ C. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thị trấn T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh H.

- Theo anh H đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Tuyết N1, Văn Nguyễn Quỳnh A trình bày: Chị Nguyễn Thị Tuyết N1, Văn Nguyễn Quỳnh A thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu của anh H. Không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án số 07/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Văn Công H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ của ông Văn Công H; Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1704/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của anh Văn Công H, ngụ khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 người khởi kiện ông Văn Công H kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Luật sư của người khởi kiện đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố kết quả ủy thác về việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp.

- Ông Huỳnh Văn P1 (được Tòa triệu tập làm rõ lý do vì sao không ký giáp ranh) trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện T chỉ ranh tiếp sau phần hậu đất ông H đã lấn qua đất của ông diện tích 43,6m², phần đất này ông mua trúng đấu giá hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không ký biên bản,

do phía Ủy ban chỉ ranh không đúng.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 180m² là hoàn toàn hợp pháp; Trong hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất có trích lục bản đồ ngày 21/5/2001, tại thửa đất số 3408 không có thể hiện nương lộ như phía người bị kiện trình bày. Tuy nhiên, do quá trình thẩm định cấp phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới là có tranh chấp ranh tiếp giáp phía sau hậu đất ông H, liên quan đến đất của ông Huỳnh Văn P1 mà Tòa sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại tòa, sau khi nghe quan điểm của Luật sư, của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Văn Công H, thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất, hồ sơ thể hiện:

Về nguồn gốc đất: Năm 2001 hộ ông H nhận chuyển nhượng thửa đất số 3408 (được tách ra từ thửa 1177) tờ bản đồ số 01, diện tích 180m², đất ODT của bà Ngô Kim T và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/6/2001. Trong hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất có trích lục bản đồ ngày 21/5/2001, tại thửa đất số 3408 không có thể hiện nương lộ. Khi cấp đổi sang bản đồ địa chính năm 2012 thì ông H cũng được cấp toàn bộ diện tích là 181,6m², không thể hiện có chỉ giới quy hoạch giao thông; Đến năm 2014 thì mới thể hiện có chỉ giới giao thông.

[2.2]. Về căn cứ thu hồi đất:

Căn cứ Kết luận thanh tra số 171/KL-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác quản lý, sử dụng đất đối với Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Kết luận: “...việc xác lập để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bản đồ 299 sang bản đồ địa chính chính quy đã cấp trù lên phần đất công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T quản lý là trái với quy định của pháp luật đất đai năm 2003...”. Trong đó có thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32, diện tích là 181,6m², đất ở đô thị của hộ anh Văn Công H, diện tích đất cấp trù lên phần đất công cộng là 43,3m². Nên Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 1630 ngày 10/7/2020 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất của hộ anh Văn Công H, để cấp có thẩm quyền cấp lại giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ anh H.

Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc ngày 06/01/2023 (do Tòa phúc thẩm ủy thác) thể hiện: Phần diện tích đất thực tế còn lại ông H (sau khi làm quốc lộ C) đang quản lý, sử dụng thiếu (do ông H chỉ ranh) và đủ (do phía người bị kiện chỉ ranh) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Theo Văn bản ý kiến số 356/UBND-TCĐ-NC ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thể hiện: “... nguồn gốc phần đất là của hộ bà Ngô Kim T chuyển nhượng lại cho ông Văn Công H tại thửa số 3408, tờ bản đồ số 01, diện tích 180m², mục đích sử dụng đất ở. Ngày 20/6/2001, ông H được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên theo hợp đồng chuyển nhượng số 807/CN ngày 06/6/2001 đã được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật đất đai năm 1993 và điểm IV.3, Mục IV Phần I của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T1 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”.

[3]. Từ những phân tích cho thấy việc ông H quản lý, sử dụng diện tích 180m² đất ở là hợp pháp, được Nhà nước thừa nhận từ năm 2001 đến nay, không tranh chấp. Phía người bị kiện cũng thừa nhận diện tích trên cho ông H nhưng cho rằng khi cấp đổi sai vị trí, dẫn đến cấp trùm lên mương lộ phía trước là chỉ giới giao thông; Khi thẩm định tại chỗ thì phần ranh phía sau hậu các bên không thống nhất, có tranh chấp giáp ranh với ông Huỳnh Văn P1 (mua của bà Ngô Kim T qua đấu giá năm 2014).

Đây là tình tiết mới phát sinh, cần phải thu thập chứng cứ để làm rõ vị trí phần diện tích đất của ông H được cấp hợp pháp; thu thập hồ sơ mua trúng đấu giá đối với ông P1 để làm rõ ranh giới phần đất giáp phía sau đất ông H. Cần đưa ông Huỳnh Văn P1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì theo người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T xác định ranh phía sau hậu phần đất tranh chấp thì lấn qua phần đất của ông P1.

Thấy rằng, để đánh giá xem xét tính có căn cứ, tính hợp pháp của Quyết định số 1630 ngày 10/7/2020 của người bị kiện về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với hộ ông H là có phần diện tích đất nào cấp trùm lên phần đất công cộng như phía người bị kiện trình bày thì phải thu thập chứng cứ để làm rõ những vấn đề mới phát sinh nêu trên mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án hành chính sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ về giải quyết lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hành chính: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án số 07/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Án phí hành chính phúc thẩm các đương sự không phải chịu; Giữ lại phần dự nộp án phí hành chính sơ thẩm để tiếp tục giải quyết lại vụ án. H1 lại 300.000 đồng cho ông Văn Công H theo biên lai thu tiền số 0004654 ngày 16/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 18bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết